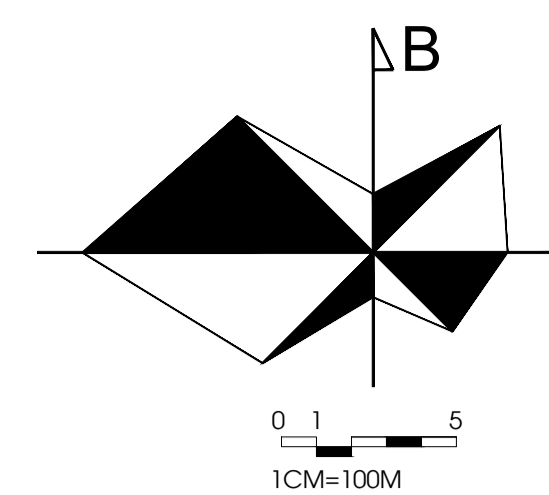


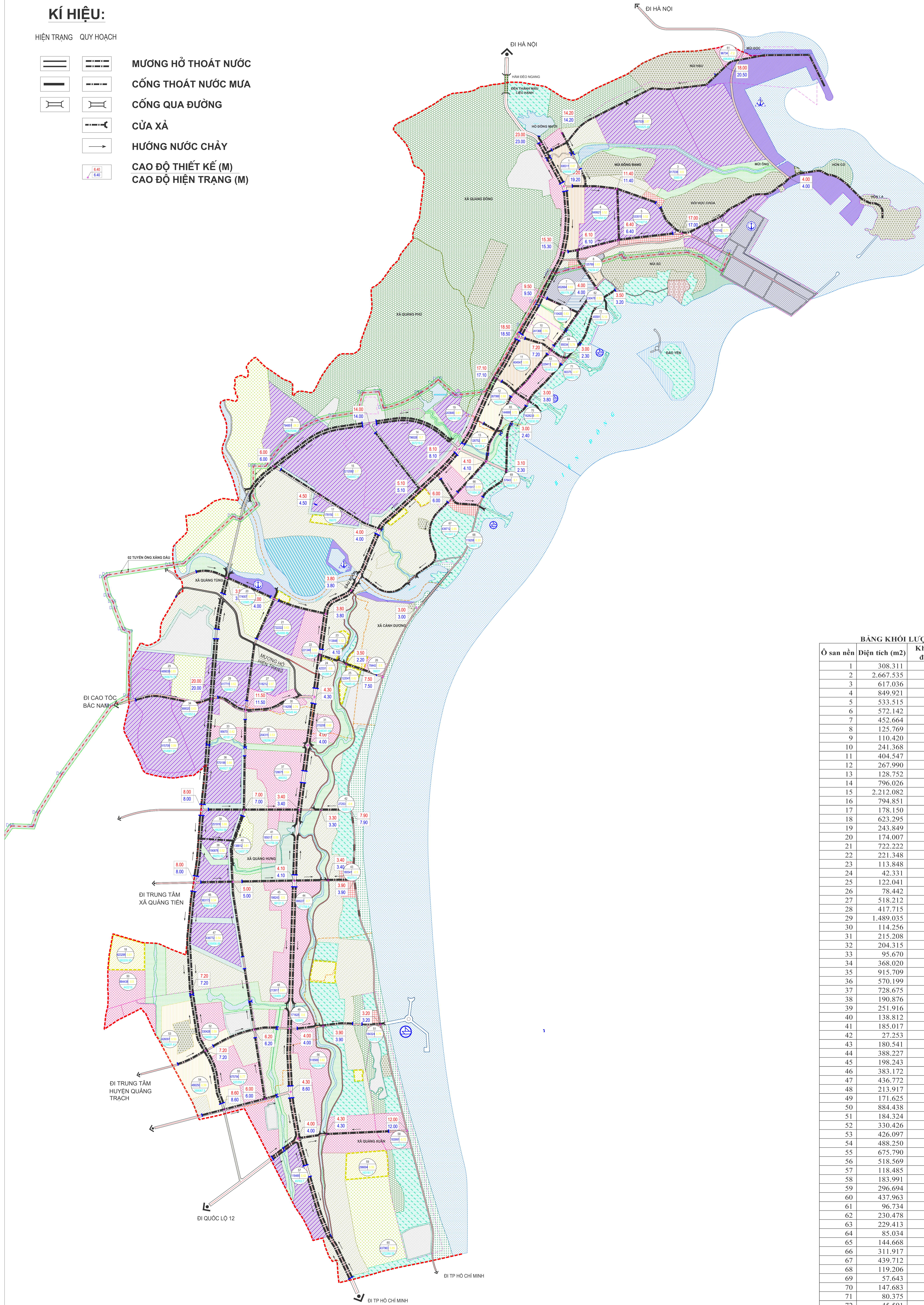
**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CAO ĐỘ NỀN VÀ THOÁT NƯỚC MẶT**



**KÍ HIỆU:**

HIỆN TRẠNG    QUY HOẠCH

- MƯƠNG HỖ THOÁT NƯỚC
- CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
- CỐNG QUA ĐƯỜNG
- CỬA XÃ
- HƯỚNG NƯỚC CHẢY
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)
- CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG (M)



**BẢNG KHỐI LƯỢNG SAN NỀN**

Ô san nền	Diện tích (m2)	Khối lượng đắp (m3)	Khối lượng đào (m3)
1	308.311	206.568	
2	2.667.535	7.655.825	
3	617.036	308.518	
4	849.921	441.959	
5	533.515	277.428	
6	572.142	406.221	
7	452.664	285.178	
8	125.769	79.234	
9	110.420	69.565	
10	241.368	132.752	
11	404.547	222.501	
12	267.990	182.233	
13	128.752	90.126	
14	796.026	557.218	
15	2.212.082	1.548.457	
16	794.851		20.825.096
17	178.150	89.075	
18	623.295	380.210	
19	243.849	148.748	
20	174.007	133.985	
21	722.222	455.000	
22	221.348	117.314	
23	113.848	127.510	
24	42.331	25.399	
25	122.041	75.665	
26	78.442	39.221	
27	518.212	502.666	
28	417.715	258.983	
29	1.489.035	1.265.680	
30	114.256	84.549	
31	215.208	146.341	
32	204.315	108.287	
33	95.670	40.181	
34	368.020	231.853	
35	915.709	814.981	
36	570.199	364.927	
37	728.675	466.352	
38	190.876	99.256	
39	251.916	166.265	
40	138.812	112.438	
41	185.017	101.759	
42	27.253		16.352
43	180.541		90.271
44	388.227	271.759	
45	198.243	99.122	
46	383.172	206.913	
47	436.772	235.857	
48	213.917	130.489	
49	171.625	102.975	
50	884.438	442.219	
51	184.324	143.773	
52	330.426	194.951	
53	426.097	225.831	
54	488.250	288.068	
55	675.790	520.358	
56	518.569	425.227	
57	118.485	49.764	
58	183.991		132.474
59	296.694	163.182	
60	437.963	372.269	
61	96.734		696.485
62	230.478	122.153	
63	229.413	151.413	
64	85.034	66.327	
65	144.668	104.161	
66	311.917	171.554	
67	439.712	241.842	
68	119.206	739.077	
69	57.643	293.979	
70	147.683	716.263	
71	80.375	399.464	
72	45.591	233.882	
<b>Tổng</b>	<b>25.933.300</b>	<b>21.760.677</b>	